

Bản án số: 97/2017/HSST

Ngày: 27/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thế Dũng

2. Bà Lý Thuý Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 93/2017/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Đoàn Duy T, sinh ngày 28/6/1986;

Trú tại: Tổ 2, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Đoàn Duy B, sinh năm 1958 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1960; Vợ: Hà Thị D, sinh năm 1987 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2011.

* Tiền án, tiền sự: Không.

* Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

* Người bị hại:

1. Ông Đoàn Duy B.

2. Bà Đinh Thị T.

Đều trú tại: Tổ 2 phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Bà T có mặt tại phiên toà, ông B vắng mặt tại phiên toà.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đoàn Thị T

Trú tại: Tổ 2 phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên toà

2. Ông Bùi Văn H

Trú tại: Tổ 31 phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt tại phiên tòa

NHẬN THẤY

Bị cáo Đoàn Duy T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/4/2017, Đoàn Duy T, thấy bố, mẹ mình là ông Đoàn Duy B và bà Đinh Thị T không có nhà; biết ông B, bà T có dây chuyền vàng và em gái là Đoàn Thị Tâm có gửi bố mẹ giữ hộ nhẫn vàng, dây chuyền vàng để ở tủ trong phòng của ông B, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. T dùng 01 đoạn sắt dài 30cm, đầu dẹt đi vào phòng của ông B, cạy cánh tủ rồi tiếp tục dùng T sắt cạy nắp ngăn kéo nhỏ trong tủ, lấy 01 dây chuyền vàng 9999-24k (03 chỉ) của vợ chồng ông B; 02 dây chuyền vàng 9999-24k (02 chỉ/dây chuyền), 01 nhẫn vàng 9999-24k (0,5 chỉ) của chị Tâm.

Sau khi lấy được số vàng trên, T rút T sắt ra phía sau nhà, rồi đi đến cửa hàng vàng bạc Tuấn Anh tại tổ 7, phường Phan Thiết, bán sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 03 chỉ được 10.257.000 đồng; khoảng 14 giờ cùng, ngày T đến cửa hàng cầm đồ, vàng bạc Hằng Nga tại tổ 15, phường T, bán số vàng còn lại trọng lượng 4,5 chỉ được 15.080.000 đồng. Sau đó, T đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của Bùi Văn H tại tổ 31, phường T mua 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Anpha, biển số 22B1-139.92 với giá 15.300.000 đồng; T trả nợ cho bạn tên Linh, nhà ở Hàm Yên (không biết địa chỉ nơi ở cụ thể) số tiền 6.700.000 đồng, số tiền còn lại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 12/5/2017, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm thanh sắt Đoàn Duy T dùng làm công cụ phạm tội, nhưng không có kết quả.

Tại Kết luận số 34 ngày 29/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 9999-24k: Khối lượng 03 chỉ, giá trị 10.350.000 đồng; 01 dây chuyền 9999-24k: Khối lượng 02 chỉ, giá trị 6.900.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 9999-24k: Khối lượng 02 chỉ, giá trị 6.900.000 đồng; 01 nhẫn vàng 9999-24k: Khối lượng 0,5 chỉ, giá trị 1.725.000 đồng.

Ngày 21/3/2017, T giao xe mô tô BKS 22B1- 139.92 cho ông Đoàn Duy B. Ông B nhận xe và giao lại cho chị Đoàn Thị Tâm để sử dụng.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 97/QĐ-KSĐT ngày 20 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Đoàn Duy T về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đoàn Duy T phạm tội Trộm cắp tài sản; Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h; đoạn 1, đoạn 2 điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Duy

T từ 12 đến 15 tháng tù. Ngoài ra Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Duy T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã quy kết.

Hành vi phạm tội của bị cáo còn được thể hiện qua: Biên bản vụ việc; biên bản xác minh hiện trường; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/4/2017; tại tổ 2, phường Y, thành phố T; Đoàn Duy T đã có hành vi trộm cắp 7,5 chỉ vàng 9999 -24k, trị giá 25.875.000đ (Hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) của ông Đoàn Duy B và bà Hoàng Thị T, trú tại tổ 2, phường Y La, thành phố Tuyên Quang. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, có sức khỏe nhưng không chịu lao động, vì muốn có tiền để phục vụ cho nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã nảy sinh hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm và cần thiết phải áp dụng hình phạt t^uơng xứng, nh^ư vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Người bị hại xin cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1, đoạn 2 điểm p, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông Đoàn Duy B, bà Đinh Thị T, chị Đoàn Thị T không có yêu cầu giải quyết về phần bồi thường dân sự. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết. Ông Bùi Văn H không có yêu cầu, đề nghị gì nên HĐXX không xem xét giải quyết và cũng không xác định ông là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Đoàn Duy T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, đoạn 1, đoạn 2 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đoàn Duy T 01(Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Áp dụng các Điều 99, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo Đoàn Duy T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND thành phố (2 bản);
- Công an thành phố;
- UBND P. Ý La, TPTQ
- Chi cục THADS th. phố;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Dũng

Lý Thuý Hà

Phạm Ngọc Hà

